

Tương lai cho nước Mỹ và ngày 18 tháng 7 năm 2020 - Số ba

Phúc thay cho đôi mắt biết thấy và đôi tai biết nghe

Jeff Pippenger

2023-08-25

Những đường lối của các phong trào cải cách là chìa khóa để hiểu “bảy tiếng sấm” trong Khải Huyền chương mười. “Bảy tiếng sấm” tượng trưng cho lịch sử của sự ban năng quyền cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất từ ngày 11 tháng 8 năm 1840 cho đến Sự Thất Vọng Lớn vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Chương mười cung cấp ba bằng chứng nội tại trong chính chương để ủng hộ sự hiểu biết này.

“Phong trào Tái Lâm giai đoạn 1840–44 là một sự biểu lộ vinh hiển của quyền năng Đức Chúa Trời; sứ điệp của thiên sứ thứ nhất đã được truyền đến mọi cơ sở truyền giáo trên khắp thế giới, và ở một số quốc gia đã có mối quan tâm tôn giáo lớn lao nhất từng được chứng kiến tại bất kỳ xứ sở nào kể từ cuộc Cải chánh thế kỷ mười sáu; nhưng tất cả những điều ấy sẽ còn bị vượt trội bởi phong trào vĩ đại dưới lời cảnh cáo sau cùng của thiên sứ thứ ba.” Đại Tranh Chiến, 611.

Sứ điệp của thiên sứ thứ nhất đã được rao truyền cho thế giới từ năm 1840 trở đi. Uriah Smith trình bày sự hiểu biết của các nhà tiên phong, đồng quan điểm với Bà White. Smith nhận ra thiên sứ thứ nhất đã đến vào năm 1798 và chỉ ra rằng chính thiên sứ thứ nhất đã giảng xuống vào năm 1840. Smith và các nhà tiên phong đơn giản là đã không để ý đến sự phân biệt giữa sự xuất hiện của một sứ điệp và sự được ban quyền năng cho nó. Smith khẳng định rõ ràng rằng khi thiên sứ trong Khải Huyền chương mười đặt một chân trên biển và một chân trên đất, điều ấy chỉ rõ sứ điệp đang được rao truyền cho thế giới.

"Vì vậy, vào năm 1798, sự hạn chế đối với việc công bố rằng ngày của Đấng Christ đã gần kề chấm dứt; vào năm 1798, thời kỳ cuối cùng bắt đầu, và ấn đã được gỡ khỏi quyền sách nhỏ. Kể từ thời điểm đó, thiên sứ của Khải Huyền 14 đã đi ra rao báo rằng giờ phán xét của Đức Chúa Trời đã đến; và cũng từ lúc ấy, thiên sứ của chương 10 đã đứng, một chân trên biển và một chân trên đất, và thề rằng thời gian sẽ không còn nữa. Về danh tính của họ thì không có gì phải nghi ngờ; và mọi lập luận dùng để định vị người này đều hữu hiệu như nhau trong trường hợp của người kia. Chúng ta không cần đi vào bất kỳ lập luận nào ở đây để cho thấy rằng thể hệ hiện nay đang chứng kiến sự ứng nghiệm của hai lời tiên tri này. Trong việc rao giảng về sự tái lâm, đặc biệt là từ năm 1840 đến 1844, đã bắt đầu sự ứng nghiệm trọn vẹn và tường tận của chúng. Vị thế của thiên sứ này—một chân đặt trên biển và chân kia trên đất—chỉ ra phạm vi rộng lớn của lời rao báo của vị ấy bằng đường biển và trên đất liền. Nếu sứ điệp này chỉ được dành cho một quốc gia, thì thiên sứ chỉ cần đứng trên đất là đủ. Nhưng vì ngài đặt một chân trên biển, từ đó ta có thể suy ra rằng sứ điệp của ngài sẽ vượt đại dương và lan rộng đến các dân tộc và các miền khác nhau trên địa cầu; và suy luận này càng được củng cố bởi thực tế rằng lời rao giảng về Sự Tái Lâm nói trên đã đến mọi trạm truyền giáo trên thế giới. Sẽ nói thêm về điều này ở chương 14." Uriah Smith, Suy tư về Đa-ni-ên và Khải Huyền, 521.

Do đó, câu 1 của chương 10 chỉ ra ngày 11 tháng 8 năm 1840, vì vào thời điểm đó quyền bá chủ của Đế quốc Ottoman đã chấm dứt như đã được tiên báo, phù hợp với lời tiên tri trong Khải Huyền chương 9. Bà White nói:

"Vào năm 1840, một sự ứng nghiệm đáng chú ý khác của lời tiên tri đã khơi dậy sự quan tâm rộng rãi. Hai năm trước đó, Josiah Litch, một trong những mục sư hàng đầu rao giảng về sự tái lâm, đã xuất bản một bản luận giải về Khải Huyền chương 9, dự đoán sự sụp đổ của Đế quốc Ottoman. Theo tính toán của ông, quyền lực này sẽ bị lật đổ . . . vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, khi quyền lực Ottoman tại Constantinople được kỳ vọng sẽ bị phá vỡ. Và điều này, tôi tin rằng, sẽ tỏ ra là đúng."

Đúng vào thời điểm đã định, Thổ Nhĩ Kỳ, thông qua các đại sứ của mình, đã chấp nhận sự bảo hộ của các cường quốc đồng minh ở châu Âu, và như thế tự đặt mình dưới sự kiểm soát của các quốc gia Kitô giáo. Sự kiện ấy đã ứng nghiệm chính xác lời tiên đoán. Khi việc đó được biết đến, đông đảo người đã tin chắc về tính đúng đắn của các nguyên tắc giải nghĩa tiên tri do Miller và các cộng sự của ông áp dụng, và phong trào chờ đợi sự tái lâm nhận được một động lực kỳ diệu. Những người có học thức và địa vị đã hợp tác với Miller, cả trong việc rao giảng lẫn việc xuất bản các quan điểm của ông, và từ năm 1840 đến năm 1844, công việc ấy nhanh chóng được mở rộng. Cuộc Tranh Luận Vĩ Đại, 334, 335.

Câu một của chương mười ứng với năm 1840, và ở câu mười chúng ta thấy Giảng thất vọng cay đắng vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Giảng đại diện cho những người đã mang sứ điệp của quyển sách nhỏ đến với thế giới, nhưng rồi phải chịu nỗi thất vọng cay đắng vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Từ câu một đến câu mười tượng trưng cho lịch sử từ năm 1840 đến 1844. Đó là một bằng chứng nội tại trong chương mười.

Nhân chứng còn lại là John, người ăn quyển sách nhỏ và thấy nó ngọt trong miệng mình, tượng trưng cho việc ông chấp nhận sứ điệp ngày 11 tháng 8 năm 1840, rồi nó trở nên đắng trong dạ dày ông trong Sự Đại Thất Vọng ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Và tôi lấy cuốn sách nhỏ từ tay thiên sứ và ăn nó; nó ở trong miệng tôi ngọt như mật ong; nhưng vừa ăn xong, bụng tôi trở nên đắng. Khải Huyền 10:10.

Câu 10 trình bày chính lịch sử từ năm 1840 đến 1844 chỉ trong một câu. Đó là bằng chứng nội tại thứ hai trong chương này rằng "bảy tiếng sấm" đại diện cho lịch sử ấy. Bà White đã xác định rằng "bảy tiếng sấm" biểu thị một sự phác thảo các sự kiện đã diễn ra dưới các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai. Sứ điệp của thiên sứ thứ hai kết thúc tại Sự Thất Vọng Lớn, nên "bảy tiếng sấm" đại diện chính lịch sử ấy. Có ba bằng chứng nội tại ủng hộ sự thật rằng lịch sử từ ngày 11 tháng 8 năm 1840 đến Sự Thất Vọng Lớn vào ngày 22 tháng 10 năm 1844 chính là lịch sử tiên tri đang được nhấn mạnh trong Khải Huyền chương mười.

Sau đó, trong câu cuối, phù hợp với chân lý liên quan đến "bảy tiếng sấm", một mệnh lệnh được ban ra rằng phải trình bày sứ điệp và rằng chính lịch sử ấy phải được lặp lại.

Và người nói với tôi: "Ngươi phải lại nói tiên tri về nhiều dân tộc, nhiều nước, nhiều thứ tiếng và nhiều vua chúa." Khải Huyền 10:11.

Bây tiếng sấm chỉ ra rằng sự khởi đầu của Phong trào Phục Lâm, bắt đầu khi sứ điệp đã được mở ấn vào “thời kỳ cuối cùng” được thêm quyền năng, sẽ minh họa cho sự kết thúc của Phong trào Phục Lâm, khi sứ điệp đã được mở ấn vào năm 1989 sẽ được thêm quyền năng bởi sự giáng xuống, không phải của thiên sứ trong Khải Huyền 10, mà là của thiên sứ đang giáng xuống trong Khải Huyền 18. Thiên sứ trong Khải Huyền 18 đã giáng xuống vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, và hiện nay chúng ta đang tiến gần đến kết thúc của sự lặp lại lịch sử từ năm 1840 đến năm 1844.

Những nhận định về chương mười đã được công khai trong nhiều năm. Điều chỉ mới được nhận ra gần đây là cùng với lịch sử thánh đó còn có một lịch sử thánh khác được lồng ghép bên trong. Lịch sử ấy chỉ được nhận ra bởi những ai chấp nhận nguyên tắc Alpha và Omega, nguyên tắc đồng nhất phần kết thúc của một sự việc với phần khởi đầu của nó. Lịch sử được lồng ghép trong lịch sử thánh bắt đầu bằng một nỗi thất vọng và kết thúc bằng Sự Thất Vọng Lớn. Lịch sử từ 1843 đến 1844 là một dòng lịch sử đặc biệt nằm bên trong nhưng khác biệt với lịch sử từ 1840 đến 1844. Bà White và Đấng Christ đều đề cập đến dòng lịch sử này.

Tất cả các sứ điệp đã được ban từ năm 1840 đến 1844 nay phải được trình bày một cách mạnh mẽ, vì có nhiều người đã mất phương hướng. Những sứ điệp ấy phải đến với mọi hội thánh.

Đấng Christ phán: “Phước cho mắt các ngươi, vì thấy; và tai các ngươi, vì nghe. Vì quả thật ta nói cùng các ngươi, rằng nhiều tiên tri và người công chính đã ao ước được thấy những điều các ngươi thấy mà chẳng thấy; và được nghe những điều các ngươi nghe mà chẳng nghe” [Ma-thi-ơ 13:16, 17]. Phước cho những đôi mắt đã thấy những điều được thấy vào năm 1843 và 1844.

“Sứ điệp đã được ban ra. Và không được chậm trễ trong việc nhắc lại sứ điệp, vì các dấu chỉ của thời cuộc đang ứng nghiệm; công cuộc kết thúc phải được hoàn tất. Một công việc lớn sẽ được thực hiện trong một thời gian ngắn. Một sứ điệp sẽ sớm được ban theo sự chỉ định của Đức Chúa Trời và sẽ dâng lên thành tiếng kêu lớn. Bấy giờ Đa-ni-ên sẽ đứng nơi phần của mình để làm chứng.” Bản Thảo Được Công Bố, tập 21, trang 437.

Những điều mà “các nhà tiên tri và những người công chính đã ao ước được thấy” “đã được thấy vào những năm 1843 và 1844.” Chúa Giê-su đã nhắc đến lịch sử thánh này trong hai sách Tin Mừng, nhưng mỗi lần nhắc đến lại ở một bối cảnh khác nhau.

Ngài phán với họ nhiều điều bằng dụ ngôn, rằng: Kia, có người gieo giống đi ra để gieo. Khi người ấy gieo, có những hạt rơi dọc đường, chim chóc đến và ăn mất. Có hạt rơi trên nơi sỏi đá, chỗ không có nhiều đất; chúng liền mọc lên, vì đất không sâu. Nhưng khi mặt trời lên, chúng bị nắng đốt; và vì không có rễ, nên bị héo khô. Lại có hạt rơi vào bụi gai; gai mọc lên và nghẹt lấy chúng. Nhưng có hạt rơi nhằm đất tốt, sinh bông kết trái: hạt thì một trăm, hạt thì sáu mươi, hạt thì ba mươi. Ai có tai mà nghe, hãy nghe. Các môn đồ đến thưa Ngài: Vì sao Thầy dùng dụ ngôn mà nói với họ? Ngài đáp: Vì đã ban cho các con được biết các mầu nhiệm của Nước Trời, còn họ thì không được ban cho. Vì ai có, sẽ được cho thêm, và sẽ dư dật; còn ai không có, thì ngay điều mình có cũng sẽ bị lấy đi. Bởi đó, Ta dùng dụ ngôn mà nói với họ: vì tuy nhìn mà không thấy; tuy nghe mà không nghe, cũng không hiểu. Ở nơi họ được ứng nghiệm lời tiên tri của Ê-sai rằng: Các ngươi nghe mà chẳng hiểu; nhìn mà chẳng nhận biết. Vì lòng dân này đã ra chai đá, tai họ nặng nghe, mắt họ nhắm lại; kéo họ thấy bằng mắt, nghe

bằng tai, hiểu bằng lòng, rồi họ quay lại, và Ta sẽ chữa lành cho họ. Nhưng phước cho mắt các con, vì thấy; và tai các con, vì nghe. Vì quả thật Ta nói với các con: Nhiều đáng tiên tri và người công chính đã ước ao được thấy những điều các con thấy mà không được thấy; được nghe những điều các con nghe mà không được nghe. Ma-thi-ơ 13:3-17.

Chúa Giê-su trong sách Ma-thi-ơ, khi nói về tác động của Lời Đức Chúa Trời và kêu gọi người ta “hãy nghe”, xác định rằng những người La-ô-đi-xê, là những kẻ khước từ sứ điệp mà các tiên tri ao ước được thấy, đã được tượng trưng trong Ê-sai chương sáu. Future for America đã nhiều lần trình bày Ê-sai chương sáu trong bối cảnh ngày 11 tháng 9 năm 2001, vì với cuộc tấn công của Hồi giáo vào ngày đó, thiên sứ quyền năng trong Khải Huyền chương mười tám đã giáng xuống và soi sáng trái đất bằng vinh quang của mình. Các tiên tri đều đồng ý với nhau, và ở câu ba của Ê-sai chương sáu chúng ta thấy lời nhắc đến trực tiếp chính thiên sứ ấy.

Trong năm vua U-xia băng hà, tôi thấy Chúa ngồi trên ngai, cao và được tôn lên; vạt áo Ngài đầy đầy đèn thờ. Phía trên Ngài có các sê-ra-phim; mỗi vị có sáu cánh: hai cánh che mặt, hai cánh che chân, và hai cánh bay. Họ kêu với nhau rằng: Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân; khắp đất đầy đầy vinh quang Ngài. Ê-sai 6:1-3.

Trái đất được chiếu sáng bởi vinh hiển của Ngài khi thiên sứ trong Khải Huyền đoạn mười tám giáng xuống, và Ê-sai cung cấp một chìa khóa quan trọng khác khi cho biết rằng khái tượng về đền thánh của ông xảy ra vào năm vua Ô-xia qua đời. Vua Ô-xia đã toan làm công việc của thầy tế lễ trong đền thờ. Tám mươi thầy tế lễ cùng thượng tế chống lại ông làm điều ấy, cho đến khi Chúa giáng cho ông bệnh phong hủi trên trán. Ông đã nhận lấy dấu của con thú vì tìm cách kết hợp thẩm quyền nhà nước với thẩm quyền hội thánh. Ông không chết ngay; ông bị phế khỏi ngai và được thay thế, và sau một thời gian cuối cùng ông đã qua đời vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm dần dần chết như giáo hội Do Thái vào thời Đấng Christ. Nhưng vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, vốn đã khước từ sứ điệp của sáu câu cuối Đa-ni-ên đoạn mười một, đã chấm dứt với tư cách là sừng Tin Lành của Hoa Kỳ, và những người được Ê-sai đại diện khi ấy được kêu gọi nhận lấy sứ điệp được biểu thị bởi tiếng thứ nhất của Khải Huyền đoạn mười tám.

Và thầy tế lễ Azariah đi vào theo sau ông, cùng với ông có tám mươi thầy tế lễ của Chúa, là những người dũng cảm. Họ chống lại vua Uzziah và nói với ông: Không phải phần của ngươi, Uzziah, là đốt hương dâng Chúa, nhưng là phần của các thầy tế lễ, con cháu Aaron, những người đã được biệt riêng để đốt hương. Hãy ra khỏi nơi thánh, vì ngươi đã phạm tội; việc ấy sẽ chẳng đem lại vinh dự cho ngươi từ nơi Đức Chúa Trời. Bấy giờ Uzziah nổi giận, tay cầm lư hương để đốt hương; và trong khi ông còn giận các thầy tế lễ, bệnh phong hủi bèn nổi lên ở trán ông trước mặt các thầy tế lễ, trong nhà của Chúa, bên cạnh bàn thờ dâng hương. Thầy tế lễ cả Azariah và hết thầy các thầy tế lễ nhìn ông, kìa, ông đã bị phong hủi ở trán; họ bèn đẩy ông ra khỏi đó; chính ông cũng vội vã đi ra, vì Chúa đã đánh phạt ông. Vua Uzziah bị phong hủi cho đến ngày ông qua đời, và vì là kẻ phong hủi nên ông ở trong một nhà riêng, bởi ông đã bị tách khỏi nhà của Chúa; còn Jotham, con trai ông, cai quản cung vua, xét xử dân trong xứ. 2 Sứ ký 26:17-21.

Điều quan trọng là phải nhận ra rằng sùng Tin Lành đã bị loại khỏi Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, vì có ba yếu tố chủ yếu trong việc mở án sớ điệp của Sách Khải Huyền trong những ngày sau rớt. Một là lịch sử song song của sùng của chủ nghĩa cộng hòa và sùng của chủ nghĩa Tin Lành. Yếu tố khác cần được nhận biết là ý nghĩa của bảy hội thánh, và dĩ nhiên yếu tố thứ ba là "bảy tiếng sấm". Cả ba yếu tố tiên tri hợp thành sớ điệp đang được mở án, và cần phải nhận ra rằng cũng như hội thánh Do Thái đã bị bỏ qua trong thời của Đấng Christ, thì phong trào Phục Lâm cũng bị bỏ qua trong "những ngày sau rớt".

Ê-sai tình nguyện mang một sớ điệp đến với dân được chọn nhưng bất trung của Đức Chúa Trời trong thời của ông, và Chúa Giê-su dùng cùng những lời ấy để đề cập đến cùng một tình huống trong thời của Ngài. Một dân được chọn theo giao ước đang bị bỏ qua, và họ từ chối "nghe" và được chữa lành.

Ngài phán: Hãy đi và nói với dân này: “Các ngươi quả thật nghe mà không hiểu; quả thật thấy mà không nhận biết.” Hãy làm cho lòng dân này trở nên chai lì, làm cho tai họ nặng nề, và nhắm mắt họ lại; kéo họ thấy bằng mắt, nghe bằng tai, hiểu bằng lòng, rồi quay lại và được chữa lành. Ê-sai 6:9, 10.

Công việc Ê-sai đảm nhận chính là công việc mà Giăng và Ê-xê-chi-ên đã đảm nhận khi họ ăn cuốn sách nhỏ. Họ mang một sớ điệp quả trách đến với một dân giao ước được chọn, là những người đang trong tiến trình bị Chúa nhả ra khỏi miệng Ngài. Lần thứ hai Chúa Giê-su nhắc đến lịch sử mà các tiên tri và những người công chính ao ước được thấy đã được Lu-ca ghi lại.

Còn ngươi, Ca-bê-na-um, ngươi đã được nâng lên đến trời, sẽ bị quăng xuống âm phủ. Ai nghe các ngươi tức là nghe Ta; ai khinh dể các ngươi tức là khinh dể Ta; ai khinh dể Ta tức là khinh dể Đấng đã sai Ta. Bảy mươi người ấy trở về trong niềm vui, nói rằng: Thưa Chúa, ngay cả các quỷ cũng chịu phục chúng tôi nhờ danh Ngài. Ngài phán với họ: Ta đã thấy Sa-tan như chớp từ trời sa xuống. Nay, Ta ban cho các ngươi quyền giày đạp rắn và bò cạp, và quyền trên mọi thể lực của kẻ thù; chẳng có điều gì có thể làm hại các ngươi. Tuy vậy, chớ vui mừng vì các thần linh phục các ngươi; nhưng hãy vui mừng vì tên các ngươi đã được ghi trên trời. Trong giờ ấy, Chúa Giê-su vui mừng trong tâm linh và nói: Con cảm tạ Cha, lạy Cha, Chúa của trời đất, vì Cha đã giấu những điều này khỏi những kẻ khôn ngoan và thông sáng, mà lại bày tỏ chúng cho trẻ thơ; vâng, thưa Cha, vì điều ấy đẹp ý Cha. Mọi sự đã được Cha Ta giao phó cho Ta; và không ai biết Con là ai, chỉ có Cha; cũng không ai biết Cha là ai, chỉ có Con và người nào Con muốn tỏ Cha ra. Rồi Ngài quay lại với các môn đồ mình, nói riêng: Phước cho mắt nào thấy những điều các ngươi thấy; vì Ta nói với các ngươi, nhiều đấng tiên tri và các vua đã ao ước thấy những điều các ngươi thấy mà không được thấy, và nghe những điều các ngươi nghe mà không được nghe. Lu-ca 10:15-24.

Một lần nữa, bối cảnh của phước lành gắn với những người có đặc ân được thấy điều mà người công chính đã ao ước được thấy liên quan đến một dân giao ước được chọn, những người đang bị bỏ qua và không muốn "nghe". Bà White nhắc đến sự lên án của Đấng Christ đối với Capernaum, vốn là biểu tượng của sự chối bỏ ánh sáng lớn, và bà nhấn mạnh đến Phục Lâm bằng cách đặt lời quả trách nhắm vào Phục Lâm trong [ngoặc vuông].

Trong số những người xưng mình là con cái của Đức Chúa Trời, đã tỏ ra quá ít lòng nhẫn nại; biết bao lời cay đắng đã được nói ra, biết bao lời lên án đã được buông ra chống lại những người không cùng đức tin với chúng ta. Nhiều người đã xem những người thuộc các hội thánh khác là những tội nhân lớn, trong khi Chúa không nhìn họ như vậy. Những ai nhìn các thành viên của các hội thánh khác như thế cần phải hạ mình dưới tay quyền năng của Đức Chúa Trời. Những người họ lên án có thể chỉ có rất ít ánh sáng, ít cơ hội và đặc ân. Nếu họ có được ánh sáng mà nhiều thành viên trong các hội thánh của chúng ta đã có, họ có lẽ đã tiến bộ nhanh hơn nhiều và làm chứng cho đức tin của mình trước thế gian một cách tốt hơn. Đối với những kẻ khoe mình có ánh sáng mà lại không bước đi trong ánh sáng ấy, Đấng Christ phán rằng, 'Nhưng ta nói cùng các ngươi, đến ngày phán xét, Ty-rơ và Si-đôn sẽ còn được khoan dung hơn các ngươi. Còn ngươi, Ca-bê-na-um [người Cơ Đốc Phục Lâm, những người đã có ánh sáng lớn], là kẻ được tôn cao lên đến trời [xét về đặc ân], sẽ bị hạ xuống âm phủ; vì nếu các việc quyền năng đã làm trong ngươi được làm tại Sô-đôm, thì nó đã còn lại cho đến ngày nay. Nhưng ta nói cùng các ngươi rằng, trong ngày phán xét, xứ Sô-đôm sẽ còn được khoan dung hơn ngươi.' Lúc ấy Đức Chúa Jê-sus cất tiếng phán: 'Con cảm tạ Cha, lạy Cha, Chúa của trời và đất, vì Cha đã giấu những điều này khỏi những kẻ khôn ngoan và thông sáng [theo sự tự đánh giá của họ], mà lại bày tỏ cho con trẻ.'

“Và bây giờ, vì các ngươi đã làm hết thảy những việc này, Chúa phán, và ta đã phán với các ngươi, dậy sớm mà nói, nhưng các ngươi chẳng nghe; ta đã gọi các ngươi, nhưng các ngươi chẳng đáp; bởi vậy ta sẽ làm cho nhà này, là nơi được gọi theo danh ta, nơi các ngươi tin cậy, và cho nơi mà ta đã ban cho các ngươi và tổ phụ các ngươi, như ta đã làm cho Shiloh. Và ta sẽ đuổi các ngươi khỏi trước mặt ta, như ta đã đuổi hết thảy anh em các ngươi, tức toàn thể dòng dõi của Ephraim.” Review and Herald, ngày 1 tháng 8 năm 1893.

Những “việc làm quyền năng” đã được thực hiện trong Phong trào Phục Lâm là những việc mà những người công chính và các đấng tiên tri ao ước được thấy và nghe. Những việc làm quyền năng ấy đã được thể hiện trong lịch sử các năm 1843 và 1844, khi sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm được rao giảng. Phong trào Phục Lâm đã khước từ lịch sử của chính mình, đặc biệt là lịch sử các năm 1843 và 1844. Một lịch sử bắt đầu và kết thúc bằng một sự thất vọng, và cũng là một lịch sử vốn được dự định dẫn dắt họ vào trái đất được đổi mới.

Họ có một ánh sáng rực rỡ được đặt phía sau họ ở đầu con đường, mà một thiên sứ nói với tôi rằng đó là 'tiếng kêu nửa đêm'. Ánh sáng ấy chiếu rọi suốt dọc con đường và soi bước chân họ, để họ không vấp ngã.

"Nếu họ giữ mắt mình chăm nhìn Chúa Giê-su, Đấng đang ở ngay trước mặt họ, dẫn họ đến thành, thì họ được an toàn. Nhưng chẳng bao lâu, một số người trở nên mệt mỏi và nói rằng thành còn rất xa, và họ đã tưởng rằng lẽ ra họ đã vào được trước đó. Bấy giờ Chúa Giê-su khích lệ họ bằng cách giơ cánh tay phải vinh hiển của Ngài lên, và từ cánh tay Ngài phát ra một luồng sáng chiếu rọi trên đoàn người Advent, và họ kêu lên: 'Ha-lê-lu-gia!' Những người khác thì vội vàng chối bỏ ánh sáng phía sau họ, và nói rằng chẳng phải Đức Chúa Trời đã dẫn họ đi xa đến thế. Ánh sáng phía sau họ tắt mất, để bước chân họ trong bóng tối hoàn toàn, và họ vấp ngã, không còn thấy móc cũng như Chúa Giê-su nữa, và rơi khỏi con đường, tuột xuống thế gian tối tăm và gian ác bên dưới." Những Bài Viết Ban Đầu, 15.

Điều mà Sur tử của chi phái Giu-đa hiện đang mở ấn chính là lịch sử của các năm 1843 và 1844. "Bảy tiếng sấm" tượng trưng cho giai đoạn 1840 đến 1844, nhưng giai đoạn ấy chứa đựng một lịch sử hết sức đặc biệt đã được đặt làm kiểu mẫu từ buổi đầu của lịch sử giao ước. Mỗi phong trào cải cách đều song song với nhau và đều có những cột mốc giống hệt nhau. Nếu chúng khác nhau, Sa-tan sẽ lập một kế hoạch tấn công khác nhau cho từng phong trào cải cách, nhưng hẳn không bao giờ làm vậy.

"Nhưng Sa-tan không hề nhàn rỗi. Giờ đây hẳn tìm cách làm điều mà hẳn đã tìm cách làm trong mọi phong trào cải cách khác—lừa dối và hủy diệt dân chúng bằng cách đánh tráo cho họ một thứ giả mạo thay cho công cuộc chân thật. Cũng như đã có những kẻ mạo xưng Đấng Christ trong thế kỷ thứ nhất của Hội Thánh Cơ Đốc, thì cũng đã xuất hiện những tiên tri giả vào thế kỷ thứ mười sáu." Cuộc Đại Tranh Chiến, 186.

Điểm cốt yếu trong đoạn này, xét theo thông điệp tổng thể mà chúng ta đang chia sẻ, là khi phong trào Cơ Đốc Phục Lâm không còn giương cao ngọn cờ Tin Lành nữa và ngọn cờ ấy đã bị cất bỏ hoàn toàn vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, họ vẫn khẳng khái rằng họ là phong trào còn sót lại rao truyền tiếng kêu lớn của thiên sứ thứ ba. Thế nhưng họ là giả mạo. Nếu bạn không nhận ra phong trào nào hiện đang mang chiếc sừng của Tin Lành, thì gần như không thể hiểu được sự song song giữa hai chiếc sừng tại Hoa Kỳ.

Lịch sử của các năm 1843 và 1844 được thể hiện trong mọi phong trào cải cách, và giờ đây chúng ta sẽ dùng sự khởi đầu của Israel cổ đại với tư cách là dân được Đức Chúa Trời tuyển chọn và sự chấm dứt địa vị dân được chọn của Israel để minh họa điều tương tự đối với Israel hiện đại, tập trung vào các năm 1843 và 1844 như được thể hiện trong từng dòng lịch sử của các phong trào cải cách.

Môi-se đã tiên báo rằng Chúa sẽ đẩy lên một vị tiên tri giống như ông, và vị tiên tri ấy chính là Chúa Giê-su. Lu-ca trong sách Công vụ xác nhận rằng Chúa Giê-su đã ứng nghiệm lời tiên tri của Môi-se.

Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngươi sẽ đẩy lên cho ngươi một đấng tiên tri từ giữa ngươi, trong vòng anh em ngươi, giống như ta; các ngươi phải nghe theo người ấy. Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:15.

Giê-su là vị tiên tri mà chúng ta phải lắng nghe.

Vì Môi-se thật đã nói với các tổ phụ rằng: “Đức Chúa Trời của các ngươi sẽ đẩy lên cho các ngươi từ giữa anh em các ngươi một nhà tiên tri giống như ta; hãy nghe theo người trong mọi điều người phán với các ngươi.” Và sẽ xảy ra rằng mọi linh hồn nào không nghe theo vị tiên tri ấy sẽ bị trừ diệt khỏi giữa dân. Phải, hết thầy các đấng tiên tri từ Sa-mu-ên trở đi, cùng những người theo sau, hễ ai đã nói, đều cũng đã báo trước về những ngày này. Các ngươi là con cháu của các đấng tiên tri và của giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với các tổ phụ chúng ta, khi phán với Áp-ra-ham rằng: “Trong dòng dõi ngươi, mọi dân tộc trên đất sẽ được phước.” Trước hết là cho các ngươi, Đức Chúa Trời đã đẩy lên Con Ngài là Đức Chúa Giê-su và sai Ngài đến để ban phước cho các ngươi, khiến mỗi người trong các ngươi quay khỏi tội lỗi của mình. Công vụ các Sứ đồ 3:22-26.

Dòng cải cách của Đấng Christ khởi đầu vào “thời kỳ cuối cùng”, như mọi dòng cải cách đều vậy. “Thời kỳ cuối cùng” vào thời của Đấng Christ chính là sự giáng sinh của Ngài. Kinh Thánh xác định rằng vào lúc Ngài giáng sinh đã có một sự gia tăng về hiểu biết, phù hợp với định nghĩa về “thời kỳ cuối cùng” trong sách Đa-ni-ên. Dù là nơi các mục đồng, các nhà thông thái từ phương Đông, Hê-rốt giân dữ, hay Anna và Si-mê-ôn trong đền thờ, đều có sự gia tăng về hiểu biết khi Ngài được sinh ra. Vào thời điểm đó, giới lãnh đạo của giáo hội Do Thái đã bị bỏ qua. Sự ly cách ấy diễn tiến dần dần, nhưng bắt đầu bằng việc họ khước từ sứ điệp được mở ấn vào “thời kỳ cuối cùng”.

Con người không biết điều đó, nhưng tin mừng ấy khiến thiên đàng tràn ngập hân hoan. Với mỗi quan tâm sâu xa và dịu dàng hơn, các sinh linh thánh khiết từ cõi sáng được thu hút đến trần gian. Cả thế gian trở nên rạng rỡ hơn nhờ sự hiện diện của Ngài. Trên những ngọn đồi Bêlem tụ họp một đoàn thiên sứ vô số kể. Họ chờ hiệu lệnh để loan báo tin vui cho thế giới. Nếu các nhà lãnh đạo ở Israel đã trung tín với trọng trách của mình, họ đã có thể được dự phần niềm vui rao báo sự giáng sinh của Chúa Giê-su. Nhưng giờ đây họ bị bỏ qua. Khát vọng của các thời đại, 47.

Giới lãnh đạo của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm đã bị bỏ qua vào năm 1989 khi Đa-ni-ên đoạn mười một, câu bốn mươi được ứng nghiệm. “Thời kỳ cuối cùng” trong lịch sử của Môi-se — người là hình bóng của Chúa Giê-su — là lúc ông chào đời, khi gia đình ông, rồi đến con gái của Pha-ra-ôn, đã nhận được thêm sự hiểu biết về bé Môi-se. Tên ông, dĩ nhiên, có nghĩa là “được vớt khỏi nước”, và Giê-su có nghĩa là “Đức Giê-hô-va cứu.”

Sau “thời kỳ cuối cùng”, mọi dòng cải cách đều cho thấy một thời điểm khi sự hiểu biết được gia tăng trong giai đoạn lịch sử cụ thể ấy được định hình thành một sứ điệp, có thể được đưa ra như một lời chứng cho thế hệ sẽ phải chịu trách nhiệm về ánh sáng đã được mở ấn vào thời kỳ cuối cùng.

Gioan Tẩy Giả đã chính thức hóa sứ điệp của Đức Kitô, và sứ điệp của Mô-sê được chính thức hóa khi ông bốn mươi tuổi, lúc ông cố gắng dựa vào sức riêng mình để giải thoát Israel khỏi Ai Cập. Sứ điệp về cuộc giải thoát khỏi Ai Cập nay đã được ghi nhận công khai.

Bốn mươi năm sau, sứ điệp của Môi-se được ban quyền năng tại bụi gai cháy và đi kèm hai dấu hiệu về thần tính của Đức Chúa Trời, được biểu lộ qua cây gậy biến thành rắn và bàn tay bị phong hủy mà Môi-se rút ra từ ngực mình. Sứ điệp của Chúa Giê-su được ban quyền năng tại phép báp-tem của Ngài, đi kèm hai dấu hiệu về thần tính: tiếng phán của Cha và Đức Thánh Linh. Dấu mốc tiếp theo trong cả hai lịch sử tượng trưng cho sự thất vọng thứ nhất, thời kỳ trì hoãn, sự xuất hiện của thiên sứ thứ hai, tức năm 1843.

Sự thất vọng trong dòng lịch sử của Moses đã được thể hiện qua vợ ông khi thiên sứ giáng xuống để giết Moses vì ông không cắt bì cho con trai mình. Vì sợ hãi, Zipporah tự mình thực hiện nghi lễ ấy cho con trai họ. Moses đã quên cắt bì cho con trai mình! Chính dấu hiệu của giao ước đã được ban cho Abraham lại bị Moses quên lãng. Tổ phụ Abraham đã đưa ra lời dự báo về cảnh người Hebrew bị giam cầm và được giải cứu trong Ai Cập và ra khỏi Ai Cập, và lời tiên tri ấy sẽ được ứng nghiệm cách cụ thể qua Moses, vậy mà Moses lại quên cắt bì cho con trai mình. Lúc đó Moses

sai Zipporah trở về ở với cha nàng cho đến sau cuộc giải cứu. Nàng ở lại tại Midian cho đến khi Moses dẫn con cái Israel vượt qua làn nước Biển Đỏ, mà sứ đồ Paul cho biết là tượng trưng cho phép báp-têm, chính nghi lễ đã thay thế phép cắt bì. Đừng bỏ qua điểm này. Sự xuất hiện của mốc chỉ đường tượng trưng cho thiên sứ thứ hai trong lịch sử của Moses, mốc chỉ đường tạo ra nỗi thất vọng đầu tiên trong lịch sử ấy, là một sự khước từ quy tắc chủ yếu trong mối quan hệ giao ước của Abraham với Đức Chúa Trời.

Sự thất vọng đầu tiên trong mạch câu chuyện về Đấng Christ là cái chết của La-xa-rơ, điều mà Mác-tha và Ma-ri tin chắc đã không xảy ra nếu Chúa Giê-su không chậm trễ cho đến khi La-xa-rơ đã chết được bốn ngày. Nỗi thất vọng vì Chúa Giê-su đã để cho người bạn thân La-xa-rơ của mình chết và thối rữa trong mộ là vô cùng lớn, không chỉ đối với hai chị em mà còn đối với các môn đồ. Thế nhưng sự sống lại của La-xa-rơ đã trở thành ấn chứng cho toàn bộ sứ vụ của Đấng Christ.

Khi chậm đến với La-xa-rơ, Đấng Christ có một ý định đầy thương xót đối với những người đã không tiếp nhận Ngài. Ngài nán nã, để qua việc khiến La-xa-rơ từ cõi chết sống lại, Ngài có thể ban cho dân sự cứng lòng, chẳng tin của Ngài một bằng chứng nữa rằng quả thật Ngài là 'sự sống lại và sự sống.' Ngài không nỡ từ bỏ mọi hy vọng nơi dân sự, những con chiên nghèo khó, lang thang của nhà Israel. Tâm lòng Ngài tan vỡ vì sự không ăn năn của họ. Trong lòng thương xót, Ngài định ban cho họ thêm một bằng chứng nữa rằng Ngài là Đấng Phục Hồi, Đấng duy nhất có thể đưa sự sống và sự bất tử ra ánh sáng. Đây sẽ là một bằng chứng mà các thầy tế lễ không thể giải thích sai. Đó là lý do Ngài chậm trễ khi đi đến Bê-tha-ni. Phép lạ đỉnh cao này, việc khiến La-xa-rơ sống lại, nhằm đặt ấn chứng của Đức Chúa Trời trên công việc của Ngài và trên lời Ngài tuyên xưng về thân tính của Ngài. Khát vọng của các thời đại, 529.

Việc đóng ấn cho một trăm bốn mươi bốn nghìn người của Đức Chúa Trời được minh họa trong lịch sử các năm 1843 và 1844, vì chúng ta được cho biết rằng chính La-xa-rơ đã dẫn Đấng Christ vào Giê-ru-sa-lem trong cuộc vào thành khai hoàn. Lịch sử của cuộc vào thành khai hoàn là lịch sử mà Bà White dùng để minh họa Tiếng Kêu Nửa Đêm của các năm 1843 và 1844. Đó là một sự hiểu lầm về việc Đấng Christ có quyền năng khiến kẻ chết sống lại bằng quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời. Ma-ri và Ê-li-sa-bét thú nhận rằng họ biết Chúa Giê-su có quyền năng khiến La-xa-rơ sống lại khi tiếng kèn cuối cùng vang lên, nhưng không thấy rằng Ngài thực sự có quyền năng làm điều đó ngay lúc ấy và tại chỗ đó. Họ đã phủ nhận chính lẽ thật mà Ngài đến để bày tỏ qua phép báp-têm và sự chết của Ngài, tức là khởi đầu và kết thúc cho chức vụ cá nhân kéo dài ba năm rưỡi của Ngài. Họ không thể thấy cho đến khi tảng đá được lăn khỏi mộ, cũng như sau này bàn tay của Ngài sẽ được cất khỏi chỗ sai lầm trong một vài con số trên biểu đồ năm 1843.

Sau khi sai Xi-pô-ra rời khỏi cuộc đối đầu sắp tới với Pha-ra-ôn, Môi-se được anh là A-rôn đến gặp, và hai sứ giả đi đến Ai Cập, đại diện cho sứ điệp của thiên sứ thứ hai. Trước khi bất kỳ tai họa nào giáng xuống Ai Cập, Môi-se cảnh báo Pha-ra-ôn rằng nếu ông không cho Y-sơ-ra-ên, con đầu lòng của Đức Chúa Trời, ra đi thờ phượng, thì Đức Chúa Trời sẽ giết các con đầu lòng của Ai Cập.

Đức Chúa phán với Môi-se rằng: Khi người đi trở về Ai Cập, hãy làm trước mặt Pha-ra-ôn tất cả những dấu lạ mà Ta đã đặt trong tay người; nhưng Ta sẽ làm cứng lòng vua, để vua không chịu cho dân đi. Còn người hãy nói với Pha-ra-ôn: Đức Chúa phán như vậy: Israel là con trai Ta, tức con đầu lòng của Ta. Ta nói với người: Hãy để con trai Ta đi để nó hầu việc Ta; và nếu

ngươi từ chối không để nó đi, kìa, Ta sẽ giết con trai ngươi, tức con đầu lòng của ngươi. Xuất Hành 4:21-23.

Tiếng Kêu Nửa Đêm là một lời tiên đoán sẽ được ứng nghiệm trong tương lai.

Trong sự giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập, việc hiến dâng con đầu lòng lại được truyền lệnh. Khi con cái Y-sơ-ra-ên còn ở trong ách nô lệ của người Ai Cập, Đức Giê-hô-va truyền Môi-se đến cùng Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, và nói: "Đức Giê-hô-va phán như vậy: Y-sơ-ra-ên là con Ta, tức trưởng nam Ta; và Ta nói với ngươi: Hãy để con Ta đi, để nó hầu việc Ta; nếu ngươi từ chối không để nó đi, này, Ta sẽ giết con ngươi, tức trưởng nam ngươi." Xuất Ê-díp-tô Ký 4:22, 23.

"Môi-se đã truyền đạt sứ điệp của mình; nhưng vị vua kiêu ngạo đáp: 'Đức Giê-hô-va là ai mà ta phải vâng theo tiếng Ngài để cho Y-sơ-ra-ên đi? Ta không biết Đức Giê-hô-va, cũng chẳng để cho Y-sơ-ra-ên đi.' Xuất Ê-díp-tô Ký 5:2. Đức Chúa Trời đã hành động vì dân Ngài bằng những dấu kỳ phép lạ, giáng những sự phán xét khủng khiếp trên Pha-ra-ôn. Cuối cùng, thiên sứ hủy diệt được lệnh giết các con đầu lòng của loài người và thú vật trong vòng người Ê-díp-tô. Để dân Y-sơ-ra-ên được thoát nạn, họ được chỉ dẫn bởi huyết của một con chiên đã bị giết lên cột cửa nhà mình. Mỗi nhà phải được đánh dấu, để khi thiên sứ đến thi hành sứ mạng chết chóc, người sẽ vượt qua các nhà của dân Y-sơ-ra-ên." Nguyên Ước Thời Đại, 51.

Thông điệp Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm gửi đến Pharaon đã chỉ ra cái chết của các con đầu lòng như một sự đáp trả trước sự phản nghịch của Pharaon. Khi thông điệp ấy được ghi lại, các tai vạ—tượng trưng cho quyền năng của Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm vào mùa hè năm 1844—đã giáng xuống Ai Cập. Thông điệp của Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm đã quét khắp xứ như một cơn sóng thần vào mùa hè năm 1844. Các tai vạ đã tràn qua Ai Cập, và khi cái chết của các con đầu lòng đã được báo trước đến, một tiếng kêu đã vang lên lúc nửa đêm khắp Ai Cập.

Môi-se nói: "Chúa phán như vậy: Vào khoảng nửa đêm, Ta sẽ đi ra giữa xứ Ai Cập; và mọi con đầu lòng trong đất Ai Cập sẽ chết, từ con đầu lòng của Pha-ra-ôn đang ngồi trên ngai, cho đến con đầu lòng của nữ tỳ ở sau cối xay; và cả các con đầu lòng của súc vật. Sẽ có tiếng kêu than lớn khắp xứ Ai Cập, chưa từng có như vậy, và cũng sẽ không còn như vậy nữa." Xuất Hành 11:4-6.

Cuộc vào thành Giêrusalem cách khải hoàn của Đức Kitô đã dẫn đến thập giá trên đồi Can-vê, và các môn đồ của Đức Kitô cùng những người theo Ngài khác đã trải qua một Nỗi Thất Vọng Lớn.

Nỗi thất vọng của chúng tôi không lớn bằng nỗi thất vọng của các môn đồ. Khi Con Người cười tiến vào Giê-ru-sa-lem cách khải hoàn, họ mong đợi Ngài được đội vương miện làm vua. Dân chúng từ khắp vùng chung quanh kéo đến và kêu: 'Hô-sa-na cho Con của Đa-vít.' Và khi các thầy tế lễ và các trưởng lão nài xin Chúa Giê-su khiến đám đông im lặng, Ngài tuyên bố rằng nếu họ nín lặng thì đá cũng sẽ kêu lên, vì lời tiên tri phải được ứng nghiệm. Thế nhưng chỉ vài ngày sau, chính những môn đồ ấy đã thấy Thầy yêu dấu của họ, Đấng mà họ tin sẽ trị vì trên ngai của Đa-vít, bị treo trên cây thập tự tàn nhẫn, ở phía trên những người Pha-ri-si đang nhạo báng, chế giễu. Những hy vọng lớn lao của họ đã tiêu tan, và bóng tối của sự chết bao trùm lấy họ." Testimonies, tập 1, 57, 58.

Sự thất vọng lớn của các môn đệ và những người theo Miller cũng được tượng trưng bởi cảnh người Do Thái bị mắc kẹt giữa quân đội của Pharaon và Biển Đỏ.

"Ánh sáng tích lũy của các thời đại đã qua đang chiếu rọi trên chúng ta. Bản ghi chép về sự quên lãng của dân Israel đã được lưu giữ để soi sáng cho chúng ta. Trong thời đại này, Đức Chúa Trời đã ra tay tập hợp cho chính Ngài một dân từ mọi quốc gia, dòng dõi và ngôn ngữ. Trong phong trào Tái Lâm, Ngài đã hành động vì cơ nghiệp của Ngài, cũng như Ngài đã hành động cho dân Israel khi dẫn họ ra khỏi Ai Cập. Trong cơn đại thất vọng năm 1844, đức tin của dân Ngài đã được thử thách như đức tin của người Hê-bơ-rơ tại Biển Đỏ." Testimonies, tập 8, 115, 116.

Điều quan trọng là nhận ra rằng khi Đấng Christ vào Giê-ru-sa-lem, cảm hứng của giờ khắc ấy đã bùng nổ thành lời ca ngợi, mà những người Pha-ri-si đã tìm cách dập tắt. Trọng tâm của khúc ca ngợi ấy là lời nhắc đến Đức Giê-su là Con của Đa-vít, chính danh xưng mà Đấng Christ đã dùng để khép lại những cuộc đối đáp với những người Do Thái hay bắt bẻ. Điều làm người Do Thái bức bối nhất là nhận ra rằng khi gọi Đức Giê-su là Con của Đa-vít, theo hàm ý họ đang nhắc đến cuộc khởi loạn tiến vào Giê-ru-sa-lem của vua Đa-vít.

Trong lịch sử về việc Đa-vít đem Hòm Bia Giao Ước về Giê-ru-sa-lem, quyền năng của sứ điệp được biểu lộ qua quyền năng của chính Đa-vít.

Đa-vít tiếp tục tiến tới, càng ngày càng cường thịnh, và Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân, ở cùng người. 2 Sa-mu-ên 5:10.

Sau đó Đa-vít quyết định rước Hòm Bia về Giê-ru-sa-lem. Khi rước Hòm Bia vào thành của Đa-vít, đã có một sự thất vọng, như trong mọi đường lối cải cách. U-xa, tên ông có nghĩa là sức mạnh, đã biết rõ rằng mình không được phép chạm vào Hòm Bia, vẫn cứ làm. Chính điều đã khiến Hòm Bia bị bắt đem đi ngay từ đầu là sự không vâng theo ý muốn đã được Đức Chúa Trời bày tỏ, và sự tự phụ về quyền năng gắn liền với Hòm Bia của Đức Chúa Trời. Thế nhưng U-xa, một dũng sĩ của Đa-vít, đã không vâng lời, cũng như Môi-se đã không vâng theo mệnh lệnh về phép cắt bì. U-xa bị đánh chết, và Hòm Bia lưu lại bên ngoài Giê-ru-sa-lem cho đến khi Đa-vít hiểu rằng những người trông coi nơi Hòm Bia đã ở lại sau khi U-xa chết đang được ban phước. Rồi Đa-vít lại lên đường rước Hòm Bia vào Giê-ru-sa-lem. Khi Đa-vít nhảy múa tiến vào Giê-ru-sa-lem, vợ ông thấy sự lỗi lạc của ông và rất thất vọng.

Ba dòng phong trào cải chánh đều đề cập đến năm 1843 và 1844, khoảng thời gian mà những người công chính và các nhà tiên tri ao ước được thấy và nghe. Những đặc điểm của sự đến của thiên sứ thứ hai, qua đó đánh dấu một thời kỳ trì hoãn và thất vọng, đều dễ nhận thấy. Những lẽ thật sâu xa hơn chỉ ra rằng sự thất vọng ấy không đơn thuần chỉ là sự hiểu lầm của Môi-se, hay U-xa, hoặc Ma-tha và Ma-ri, mà là một sự thất vọng gắn liền với việc khước từ một nguyên tắc nền tảng liên hệ trực tiếp đến chính bối cảnh lịch sử nơi sự thất vọng ấy đã xảy ra. Đối với Môi-se, đó là dấu hiệu của phép cắt bì; đối với U-xa, đó là sự tự phụ đối với các mệnh lệnh của Đức Chúa Trời liên quan đến chiếc hòm giao ước; còn đối với Ma-tha và Ma-ri, đó là sự thiếu đức tin nơi quyền năng sáng tạo của Đấng Christ để làm cho sống lại.

Đối với Môi-se, chủ đề hết sức cốt lõi trong chức vụ của ông là thiết lập một mối quan hệ giao ước với một dân tộc được chọn, và Môi-se đã quên dấu hiệu của giao ước ấy. Đối với U-xa, đó là chính nguyên tắc về tính thiêng liêng của luật pháp Đức Chúa Trời, được thể hiện trong Hòm Giao Ước. Còn đối với Ma-thê và Ma-ri, đó là chính trung tâm của chức vụ Đấng Christ, bắt đầu với phép báp-têm của Ngài và kết thúc bằng sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài, những điều đã được tượng trưng ngay từ lúc khởi đầu chức vụ của Ngài. Sự thất vọng đầu tiên năm 1843 đã xảy ra vì một sai sót trong một vài con số trên biểu đồ, và đó là sự ứng nghiệm của lời tiên tri Ha-ba-cúc. Sai lầm ấy liên quan đến nguyên tắc cốt lõi của phong trào của Miller - nguyên tắc một ngày ứng với một năm.

“Bảy tiếng sấm” đại diện cho phong trào Cơ Đốc Phục Lâm giai đoạn 1840 đến 1844, nhưng trong phong trào ấy có lịch sử từ 1843 đến 1844, khởi đầu và kết thúc bằng một sự thất vọng, qua đó đặt dấu ấn của Alpha và Ômêga trên lịch sử ấy. Và chính lịch sử đó là lịch sử mà Chúa Giê-su và Ellen White chỉ ra như lịch sử thánh thiêng mà những người công chính luôn hằng ao ước được chứng kiến.

Bốn dòng đó—Môi-se, Đa-vít, Đấng Christ và những người theo Miller—dạy rằng khi dụ ngôn mười trinh nữ được lặp lại vào thời kỳ cuối cùng của thế gian, sẽ có một sự gia tăng quyền năng, không phải của sứ điệp thiên sứ thứ hai, mà là của sứ điệp thiên sứ thứ ba; và điều đó được tiếp nối bởi một sự thất vọng, khởi đầu một thời kỳ chờ đợi.

Khi thiên sứ thứ nhất giáng xuống vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, điều đó xác nhận nguyên tắc tiên tri chủ chốt của những người Millerite, và sự thất vọng đầu tiên của họ sẽ gắn đặc biệt với nguyên tắc ấy. Khi sự thất vọng ấy và thời kỳ trì hoãn chấm dứt tại Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm, sứ điệp đó cũng liên hệ đến nguyên tắc một ngày bằng một năm, cũng như việc xác định rằng Đấng Christ sẽ đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Cả bốn dấu mốc từ 1840 đến 1844 đều gắn liền với nguyên tắc một ngày bằng một năm.

Người Do Thái được lập làm những người được ủy thác giữ luật pháp của Đức Chúa Trời, và điều được thể hiện trong thời Môi-se là luật pháp của Đức Chúa Trời và những điều lệ. Trong lịch sử của Đa-vít, lại là luật pháp của Đức Chúa Trời. Trong lịch sử của Đấng Christ, cũng là luật pháp của Đức Chúa Trời, vì không đổ huyết thì không có sự tha thứ cho tội lỗi đã được luật pháp của Đức Chúa Trời bày tỏ cho tội nhân. Nhưng Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm được giao phó giữ gìn không chỉ luật pháp của Đức Chúa Trời mà còn cả Lời tiên tri.

Vì vậy, chủ đề trong mạch lịch sử của phong trào Millerite là các quy tắc tiên tri của Đức Chúa Trời. Vào thời kỳ cuối của phong trào Phục Lâm, một lần nữa vấn đề sẽ là các quy tắc giải thích lời tiên tri, nhưng kể từ năm 1844, thời kỳ tiên tri không còn được áp dụng nữa. Các quy tắc ở thời kỳ cuối được đặt trên tiền đề rằng Alpha và Omega minh họa sự kết thúc từ ban đầu.

Khi sự thống trị của Đế quốc Ottoman chấm dứt, ứng nghiệm “tai họa thứ hai” tượng trưng cho hoạt động tiên tri của Hội giáo, thì lời tiên tri 391 năm và 15 ngày trong Khải Huyền 9:15 đã được ứng nghiệm, và nguyên tắc “một ngày bằng một năm”, vốn là cốt lõi trong công trình của Miller, đã được xác nhận.

Khi Hội giáo tấn công vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, sự xuất hiện của tai hoạ thứ ba theo Khải Huyền 8:13 đã được ứng nghiệm, và nguyên tắc vốn là trọng tâm công việc của Future for America được xác nhận; nguyên tắc ấy được phát biểu đơn giản là sự lặp lại của lịch sử. Một lời tiên tri về tiếng kèn tai hoạ đại diện cho Hội giáo đã được xác nhận khi cả thiên sứ trong Khải Huyền 10 vào năm 1840 và thiên sứ trong Khải Huyền 18 vào năm 2001 được ứng nghiệm. Lịch sử đã lặp lại. Điều người ta trông đợi tiếp theo là một sự thất vọng.

Sự thất vọng ấy sẽ mở ra một thời kỳ chờ đợi. Sự thất vọng ấy sẽ làm nản lòng và phân tán những người tham gia vào công việc. Sự thất vọng ấy sẽ xảy ra do sự coi thường một luật căn bản của lời tiên tri; thực ra, đó là quy tắc tiên tri chủ chốt đã được thiết lập vào buổi đầu của phong trào Phục Lâm. Sự ban quyền năng ngày 11 tháng 9 năm 2001 gắn liền với Hội giáo, và sự thất vọng ngày 18 tháng 7 năm 2020 cũng xoay quanh Hội giáo. Chúng ta được cho biết rằng điều cho phép Samuel Snow và những người khác sau đó nhận ra ngày 22 tháng 10 năm 1844 là việc Chúa cất tay Ngài khỏi một sai sót trong một vài con số trên biểu đồ năm 1843. Bấy giờ Snow và những người theo Miller thấy rằng các bằng chứng đã dẫn họ dự đoán năm 1843 là thời điểm ứng nghiệm lời tiên tri 2.300 năm ấy chính là những bằng chứng cho phép họ xác định ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Chúa Giê-su và toàn thể thiên binh nhìn với cảm thông và tình yêu thương đến những người đã, với niềm trông đợi ngọt ngào, khao khát được thấy Đấng mà linh hồn họ yêu mến. Các thiên sứ vây quanh họ để nâng đỡ họ trong giờ thử thách. Những kẻ đã lơ là không tiếp nhận sứ điệp từ trời thì bị để trong tối tăm, và cơn giận của Đức Chúa Trời bùng lên nghịch cùng họ, vì họ không chịu nhận lấy ánh sáng mà Ngài đã sai từ trời đến cho họ. Những người trung tín nhưng thất vọng ấy, không hiểu vì sao Chúa của họ chưa đến, đã không bị để trong tối tăm. Một lần nữa, họ được dẫn dắt đến với Kinh Thánh để tra cứu các thời kỳ tiên tri. Bàn tay của Chúa được cất khỏi các con số, và sai lầm được giải thích. Họ thấy rằng các thời kỳ tiên tri kéo dài đến năm 1844, và rằng chính những bằng chứng họ đã trình bày để cho thấy các thời kỳ tiên tri kết thúc vào năm 1843 lại chứng minh rằng chúng sẽ chấm dứt vào năm 1844. Ánh sáng từ Lời Đức Chúa Trời soi rọi lập trường của họ, và họ nhận ra một thời kỳ tri hoãn—'Dù nó [khải tượng] chậm trễ, hãy chờ đợi nó.' Vì lòng yêu mến sự giáng lâm tức thì của Đấng Christ, họ đã bỏ qua sự trì hoãn của Khải tượng, điều vốn được định để bày tỏ những người thật sự biết chờ đợi. Một lần nữa, họ có một mốc thời gian. Tuy vậy, tôi thấy rằng nhiều người trong số họ không thể vượt lên trên nỗi thất vọng sâu nặng để có được mức độ nhiệt thành và năng lực đã từng đánh dấu đức tin của họ vào năm 1843. *Early Writings*, 236, 237.

Chúng ta nên kỳ vọng rằng những bằng chứng dẫn đến dự đoán Hội giáo sẽ tấn công Hoa Kỳ vào ngày 18 tháng 7 năm 2020 sẽ xác nhận rằng, khi luật ngày Chủ nhật sắp tới diễn ra, Hội giáo chính là sự phán xét được giáng trên Hoa Kỳ, và yếu tố thời gian không còn gắn liền với sự kiện đó.

Bốn cột mốc chính trong lịch sử từ năm 1840 đến 1844. Mỗi cột mốc đều gắn liền với việc áp dụng quy tắc chính của Miller—nguyên tắc một ngày bằng một năm.

Bốn cột mốc chính trong lịch sử từ năm 2001 cho đến luật Chủ nhật. Ngày 11 tháng 9 năm 2001 gắn với Hội giáo. Lời dự đoán không thành ngày 18 tháng 7 năm 2020 là về Hội giáo. Mỗi cột mốc đều gắn với việc áp dụng quy tắc chủ chốt của Future for America - sự lặp lại của lịch sử. "Bây tiếng sấm" đại diện cho các sự kiện tương lai sẽ được bày tỏ theo thứ tự của chúng. Cột mốc đầu

tiên trong bốn cột mốc là ngày 11 tháng 9 năm 2001, xác định một cuộc tấn công vào Hoa Kỳ do Hồi giáo thực hiện để ứng nghiệm tai họa thứ ba. Cột mốc cuối cùng, đại diện cho luật Chủ nhật trong lịch sử của chúng ta, phải là về Hồi giáo, vì Alpha và Omega luôn minh họa sự kết thúc từ lúc khởi đầu, và Alpha và Omega là Đấng đã niêm phong "bảy tiếng sấm" cho chính lịch sử này. Hồi giáo sẽ tấn công Hoa Kỳ vào thời điểm luật Chủ nhật.

Đây là một trong ba yếu tố chủ chốt của việc mở ấn bảy tiếng sấm hiện đang được khai mở. Ngay khi Môi-se công bố sứ điệp tượng trưng cho Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm trong dòng lịch sử của ông, những diễn biến cuối cùng diễn ra nhanh chóng. Mười tai vạ siêu nhiên tàn phá cho đến khi lời tiên tri về con đầu lòng được ứng nghiệm, tạo nên tiếng kêu lúc nửa đêm tại Ai Cập. Ngay khi Đấng Christ vào Giê-ru-sa-lem, những bước tiến nhanh dẫn đến thập tự giá đã khởi sự. Khi sứ điệp được công bố, không còn đường lui. Từ hội trại Exeter vào ngày 12 tháng 8 năm 1844, chưa đầy hai tháng sau, lời dự đoán đã được ứng nghiệm.

Và lời của Chúa đến cùng tôi, phán rằng: Hỡi con người, câu tục ngữ nào mà các ngươi có trong đất Israel, rằng: Các ngày kéo dài, và mọi khái tượng đều không ứng nghiệm? Vậy hãy nói với họ: Chúa là Đức Chúa Trời phán như vậy: Ta sẽ làm cho câu tục ngữ này chấm dứt, và họ sẽ không còn dùng nó làm câu tục ngữ trong Israel nữa; nhưng hãy nói với họ: Các ngày đã gần, và sự ứng nghiệm của mọi khái tượng. Vì sẽ không còn khái tượng hư không, cũng chẳng còn bói toán nịnh hót trong nhà Israel. Vì Ta là Chúa: Ta sẽ phán, và lời Ta phán sẽ xảy ra; nó sẽ không còn bị trì hoãn nữa; vì trong những ngày của các ngươi, hỡi nhà phản nghịch, Ta sẽ nói lời ấy và sẽ làm thành, Chúa là Đức Chúa Trời phán. Lại có lời của Chúa đến cùng tôi, phán rằng: Hỡi con người, này, nhà Israel nói: Khái tượng người ấy thấy là cho nhiều ngày nữa, và người ấy nói tiên tri về những thời kỳ còn xa. Vậy hãy nói với họ: Chúa là Đức Chúa Trời phán: Không một lời nào của Ta sẽ còn bị trì hoãn nữa, nhưng lời nào Ta đã phán sẽ được làm thành, Chúa là Đức Chúa Trời phán. Ê-xê-chi-ên 12:21-28.